

Số: 115/2024/QĐST-HNGĐ

L, ngày 29 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 189/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị Thanh M**, sinh năm 1989

Địa chỉ: **Khu A, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.**

Bị đơn: Anh **Nguyễn Hồng N**, sinh năm 1989

Địa chỉ: **Khu A, xã V, huyện L, tỉnh Phú Thọ.**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 57; Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 8 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 8 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Bùi Thị Thanh M** và anh **Nguyễn Hồng N**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị **Bùi Thị Thanh M** và anh **Nguyễn Hồng N** xác định có 02 con chung là cháu **Nguyễn Tiến D**, sinh ngày 03/6/2015 và cháu **Nguyễn Tiến L**, sinh ngày 13/6/2017. Khi ly hôn: Chị **M** trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cả 02 con chung đến khi thành niên và các cháu lao động tự túc được. Anh **N** không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì chị **M** tự nguyện không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung

không ai được cản trở.

2.2. *Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp:* Anh, chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. *Về án phí sơ thẩm:* Chị **Bùi Thị Thanh M** tự nguyện nộp cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001728 ngày 26/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L. Chị **Bùi Thị Thanh M** được trả lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. *Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã V, h. L,
tỉnh Phú Thọ (KH ngày 27/11/2014);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Tuấn Anh